

Số: 178 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2021 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Công văn số 2298/BNN-TCTL ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2021 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2021:

1. Công tác chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh; đồng thời thường xuyên được bổ sung, kiện toàn để phù hợp với tình hình công việc thực tiễn (Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Kiên Giang). Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch; thực hiện điều phối, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng kết, đánh giá các kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ ô nhiễm nguồn nước; huy động nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình, dự án trong kế hoạch đã duyệt; chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 18/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Chương trình đảm bảo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Mục tiêu tổng quát và cụ thể thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đến năm 2020 tỷ lệ dân cư nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98,9%, trong đó $\geq 45\%$ sử dụng nước sạch theo QCVN từ hệ thống cấp nước tập trung (so với Tiêu chuẩn quốc gia về nông thôn mới là 65%). Tỷ lệ hệ thống cấp nước nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%.

- Tổ chức, phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn nước. Bố trí kinh phí hàng năm thực hiện công tác truyền thông nâng cao nhận thức



cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, hướng dẫn người dân về việc lưu trữ, sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

- Thực hiện phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt cho các công trình đã cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo xây dựng Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế. Chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phù hợp quy định quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Từ năm 2016 đến nay, kết hợp lồng ghép bằng nhiều nguồn vốn Trung ương, tài trợ của các tổ chức nước ngoài, ngân sách địa phương,... UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đầu tư, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa nhiều công trình cấp nước nông thôn như: đầu tư mới 16 công trình; nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống 37 công trình tổng vốn đầu tư 600.214 triệu đồng phục vụ cho trên 30.439 hộ dân trên địa bàn 13 huyện, thành phố của tỉnh, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh tăng lên 98,53%, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 63,19% (tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt QCVN từ các công trình cấp nước tập trung đạt 29,46%, theo Báo cáo kết quả điều tra bộ chỉ số năm 2021).

Trong những năm qua, được sự quan tâm và hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế; đặc biệt là Ngân hàng Thế giới, quan tâm đầu tư phát triển công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong thực hiện các dự án và Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nên công tác bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả khá quan trọng (tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt trên 63%), góp phần đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn, ổn định phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Tuy nhiên do nguồn ngân sách bố trí cho chương trình còn thấp so với nhiệm vụ đề ra; nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016-2021 vẫn chưa đạt được tiêu chí nước sạch và nước hợp vệ sinh theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Chính phủ đến năm 2021: tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định là 95%, trong đó tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định là 65%.

2. Danh mục công trình lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo đơn vị cấp nước (Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn) hàng năm rà soát, đề xuất sửa chữa các công trình cấp nước không đảm bảo cấp nước an toàn và đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước khu vực nông thôn. Đến nay, đơn vị cấp nước thực hiện lập và trình phê duyệt 10 Kế hoạch cấp nước an toàn cho các trạm cấp nước khu

vực nông thôn (theo Phụ lục 1)

3. Khó khăn thách thức:

Biến đổi khí hậu và nước biển dâng, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng tác động đến quá trình cấp nước; công tác quản lý vận hành Trạm cấp nước chưa đồng bộ (giữa tỉnh, huyện, xã), nhất là công tác quản lý Trạm cấp nước ở cấp xã hiệu quả thấp, thiếu ổn định; một số công trình cấp nước đã đầu tư trên 10 năm hiện đang xuống cấp; nguồn lực đầu tư hàng năm chưa tương xứng; kêu gọi xã hội hóa nước sạch nông thôn khó khăn; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung còn thấp khoảng 29,64%...

4. Kinh nghiệm rút ra.

- Thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn đòi hỏi phải có quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, nhất là vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp có tính quyết định; Ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh phải xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng thành viên, tăng cường công tác phối hợp giữa Ban Chỉ đạo với các ngành, các cấp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công trình cấp nước, phải nhận thức rõ quản lý, vận hành công trình là thiết yếu, nâng cao trách nhiệm của mỗi người và cộng đồng trong bảo vệ công trình, bảo vệ môi trường, giữ gìn rừng và chống ô nhiễm nguồn nước.

- Quá trình thực hiện, phải quan tâm huy động lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án, huy động sức sáng tạo và đóng góp của người dân để mở rộng mạng lưới cấp nước; đồng bộ quy hoạch nâng cấp kết cấu hạ tầng ở nông thôn (câu, lộ...) hạn chế tác động đến các công trình cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân.

- Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo, để tham mưu cho Ban Chỉ đạo chương trình những vấn đề có liên quan đến nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

5. Kiến nghị, đề xuất.

- Trung ương tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư các công trình cấp nước tập trung nhất là ở các huyện đảo, ven biển; nâng cấp mở rộng các công trình cấp nước tập trung đã đầu tư hơn 10 năm hiện nay đang xuống cấp cần phân bổ kinh phí để cải tạo.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn cấp nước an toàn cho tỉnh và giới thiệu mô hình điểm về cấp nước an toàn để tỉnh tham quan học hỏi kinh nghiệm.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022-2025:

1. Nội dung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2022-2025:

a) Về cơ chế quản lý đảm bảo cấp nước an toàn:

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục thực hiện lập kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo đúng quy trình 06 bước theo Quyết định số 244/QĐ-TCTL-BNN hướng dẫn thực hiện Chương trình quốc gia cấp nước an toàn khu vực nông thôn. Triển khai thực hiện các kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước: chất lượng nước cung cấp đảm bảo đạt QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế đến khi quy chuẩn địa phương được ban hành.

b) Về công nghệ:

- Các Trạm cấp nước xây dựng mới phải lựa chọn công nghệ tiên tiến, phù hợp với chất lượng nước thô (ngâm và mặt) và thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng đảm bảo môi trường.

- Cải tạo, lắp đặt hệ thống Scada (hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu) nhằm hỗ trợ công tác giám sát và điều khiển từ xa, phục vụ nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

c) Đối với các đơn vị quản lý vận hành các Trạm cấp nước:

- Chủ động kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị để hoạt động đạt công suất quy định, trong trường hợp có sự cố phải tập trung khắc phục kịp thời trong thời gian 24 giờ.

- Xây dựng chế độ vận hành tối ưu đảm bảo chất lượng nước, năng lực cấp nước để nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước. Khắc phục và hạn chế thu hẹp các ổn định phục vụ công tác sản xuất và cấp nước.

- Phối hợp với Điện lực các huyện, thành phố đảm bảo cung cấp điện ổn định phục vụ công tác sản xuất và cấp nước.

- Các Trạm cấp nước trực tiếp liên hệ, phối hợp với UBND cấp xã, công an cấp xã trong công tác an ninh bảo vệ nguồn nước trong khu vực nhà máy phụ trách nhằm đảm bảo an toàn hệ thống giếng khai thác nước và nhà máy.

- Xây dựng kế hoạch cải tạo sửa chữa, thay thế thiết bị, bổ sung dây chuyền công nghệ nâng cao chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn.

- Rà soát ngừng hoạt động các Trạm cấp nước cục bộ và chuyển thành cụm bơm tăng áp sau khi các nhà máy nước mặt theo quy hoạch được đầu tư xây dựng.

- Bổ sung nguồn điện dự phòng (máy phát điện, điện năng lượng mặt trời,...), nhằm đảm bảo cấp nước an toàn trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, bảo dưỡng hệ thống điện,...

- Tổ chức lập bổ sung, trình phê duyệt vùng bảo hộ khu vực vệ sinh lấy nước sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày



09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đầu tư thiết kế thiết bị quan trắc tự động và duy trì hệ thống truyền dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Phương án ứng phó với các sự cố về nguồn, mạng:

- Các hệ thống khu vực khi phát hiện ra sự cố về nguồn, mạng hoặc thông tin từ khách hàng, cán bộ, nhân viên của đơn vị cấp nước phải nhanh chóng xử lý thông tin, khẩn trương tiến hành xác minh sự việc, sự cố, phân tích xác định nguyên nhân, đề ra giải pháp khắc phục kịp thời và triển khai ngay các biện pháp ứng phó:

+ Khi xảy ra sự cố về nhà máy, về mạng truyền dẫn, về mất điện kéo dài dẫn đến mất nước trên diện rộng: các hệ thống khu vực báo cho các trạm cấp nước biết phối hợp trong công tác vận hành hòa mạng (nếu mất nguồn) và thông báo cho chính quyền địa phương, Nhân dân khu vực chịu ảnh hưởng cấp nước biết; giải quyết, khắc phục các sự cố về cấp nước hoặc tiến hành cấp nước theo giờ, cá biệt cấp nước bằng xe vận chuyển nước.

+ Điều tiết các van ngăn chặn lưu lượng nước cấp cho khu vực sự cố.

+ Chuẩn bị sẵn sàng các thiết bị, xe máy, nhân công các chủng loại vật tư để tiến hành sửa chữa trong thời gian nhanh nhất (tối đa không quá 12 giờ đối với mạng dịch vụ và 24 giờ đối với ống phân phối và truyền tải).

- Kiểm tra rà soát: thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát các điểm thường có nguy cơ xảy ra sự cố trong nhà máy, trên mạng phân phối từ các giếng về, các nguồn nước thô. Lập hồ sơ các điểm đen về cấp nước như cuối nguồn, thiếu hệ thống phân phối, khu vực thường có sự cố để đưa vào kế hoạch sửa chữa, cải tạo duy tu hàng năm. Tổ chức xúc rửa thường xuyên nếu cần thiết.

- Đánh giá sự cố và đưa ra các biện pháp phòng ngừa trong tương lai: Đánh giá mức độ sự cố để có biện pháp phòng ngừa trong tương lai, đưa vào kế hoạch sửa chữa, cải tạo, thay thế kịp thời hoàn thành trong mùa khô hạn, sẵn sàng cung cấp công suất cấp nước tối đa.

2. Dự kiến Danh mục công trình phê duyệt lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2022-2025:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cấp nước an toàn theo Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025; Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt báo cáo rà soát, lồng ghép quy hoạch tổng thể nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.



- Thực hiện mục tiêu tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 65% và tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 50% theo quy định. Dự kiến danh mục công trình phê duyệt lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn giai đoạn 2022-2025 là 32/56 Trạm cấp nước, đạt 57,1% (*Phụ lục 2*)

- Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu trên trong giai đoạn 2022-2025, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 sử dụng nguồn vốn Ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, mở rộng 12 công trình, đầu tư mới 04 công trình tại một xã đặc biệt khó khăn, vùng ven biển, phục vụ cho 12.367 hộ dân (dự kiến 193.000 người), cụ thể tại các huyện Giồng Riềng, Châu Thành, Hòn Đất, Vĩnh Thuận, Phú Quốc, An Minh, An Biên, Giang Thành, Gò Quao, U Minh Thượng.

- Đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ bằng nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 để đầu tư hệ thống nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn dự kiến đầu tư mới; 09 công trình phục vụ cho khoảng 12.000 hộ dân, hiện nay Tổng cục Thủy lợi đang hoàn tất thủ tục trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt dự án đầu tư tại các huyện: Kiên Lương, Giang Thành, Kiên Hải, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, An Biên.

Dự kiến giai đoạn 2021-2025 khi các dự án trên được duyệt sẽ phục vụ trên 25.000 hộ dân, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 70,93% (trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt QCVN từ các công trình cấp nước tập trung đạt 37,2%). Tổng vốn dự kiến đã đề xuất đầu tư là 457.605 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Sở Xây dựng:

Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh.

- Chủ trì kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của các đơn vị sản xuất và tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn; đánh giá, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì triển khai các hoạt động liên quan đến Kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn; tổ chức việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn hệ thống cấp nước nông thôn.

- Phê duyệt kế hoạch và kinh phí triển khai thực hiện các dự án cấp nước nông thôn, huy động và lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn để thực hiện các nội dung Kế hoạch.

- Chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tham mưu lồng ghép nguồn kinh phí vào nội dung cấp nước sinh hoạt nông thôn trong quá trình chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

- Quản lý và trực tiếp chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn do Trung tâm quản lý.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước cũng như việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Đánh giá kết quả lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt; tình hình thực hiện việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước cấp cho sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước cũng như việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; tổ chức tuyên truyền về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với các sở, ngành chức năng liên quan theo dõi, giám sát các cơ sở, đơn vị cấp nước triển khai cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn.

- Theo dõi, rà soát các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để triển khai khắc phục các hình thức xả thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến nguồn cấp nước.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc kiểm tra, xử lý hoạt động vi phạm về môi trường nhằm bảo vệ nguồn nước; xử lý các hành vi lấn chiếm hành lang bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ hệ thống ống cấp nước và các trường hợp phá hoại công trình cấp nước trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tuyên truyền, vận động người dân tích cực bảo vệ nguồn nước; sử dụng nước tiết kiệm. Tích cực tham gia giám sát cộng đồng về cấp nước an toàn và hoạt động xả thải của các tổ chức, cá nhân tại địa phương; khi phát hiện hành vi vi phạm, cần báo ngay cho chính quyền sở tại để kịp thời ngăn chặn, khắc phục. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã thuộc địa bàn quản lý đôn đốc các đơn vị cấp nước thực hiện ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước nông thôn.

đ) Các đơn vị cấp nước:

- Lập Kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước tập trung khu vực nông thôn theo lộ trình thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn thuộc phạm vi được giao quản lý. Tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện cấp nước an toàn; cập nhật, bổ sung kế hoạch các giai đoạn tiếp theo. Báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2021 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *Thư*

Nơi nhận:

- Bộ NN& PTNT;
- CT và các PCT, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành TV BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Trung tâm NS& VSMTNT tỉnh;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT, tvhung.



Lê Quốc Anh



Danh mục công trình lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn
(Đính kèm Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)



STT	Danh mục công trình	Quyết định phê duyệt	Thời gian thực hiện	Công suất phục vụ (hộ)	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Nguồn nước (nước mặt, nước ngầm)	Nội dung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho công trình và đánh giá hiệu quả thực hiện
1	Trạm cấp nước Mỹ Thuận	Số 1553/QĐ-SNNPTNT ngày 29/12/2021	2022-2023	4,569	184	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và kinh phí chi thường xuyên của đơn vị cấp nước	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Nước mặt	Thực hiện 6 bước, thực hiện kế hoạch theo Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019
2	Trạm cấp nước Công Sự			1,583	305			Nước ngầm	
3	Trạm Cấp nước Đông Yên			883	301.8			Nước ngầm	
4	Trạm cấp nước thị trấn Gò Quao			2,189	227.5			Nước ngầm	
5	Trạm cấp nước Linh Huỳnh			2,198	3,346.5			Nước mặt	
6	Trạm cấp nước Thạnh Lộc			1,057	241.6			Nước ngầm	
7	Trạm cấp nước Thủy Liễu			1,936	176.7			Nước ngầm	
8	Trạm cấp nước Vĩnh Hòa Hiệp			963	95			Nước ngầm	
9	Trạm cấp nước Vĩnh Hòa Phú			895	83.7			Nước ngầm	
10	Trạm cấp nước Vĩnh Phú			1,378	115.5			Nước mặt	



Phụ lục 2 Danh mục công trình dự kiến lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn
(Đính kèm Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Danh mục công trình	Thời gian thực hiện	Công suất phục vụ (hộ)	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Nguồn nước	Nội dung dự kiến thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho công trình
1	TCN U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng	2022-2023	800	Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Nguồn vốn Trung tâm	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Nước ngầm	Thực hiện 6 bước thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019
2	TCN liên xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận		1,350					
3	TCN Nam Thái, huyện An Biên		2,300					
4	TCN Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng		2,379					
5	TCN Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng		551	1,130	Ngân sách nhà nước			
6	TCN Long Thành, huyện Giồng Riềng		721	1,078				
7	TCN xã Thuận Hòa, huyện An Minh		3,515	5,397				
8	TCN xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng	2022-2025	1,500	450,000	Ngân sách nhà nước	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Nước ngầm	Cấp nước cho khu vực các xã đã được đầu tư
9	TCN Xã Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành		900					
10	TCN Thới Quán, huyện Gò Quao		1,200					
11	TCN thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận		4,300					
12	TCN xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc		850					
13	TCN xã Đông Hưng, huyện An Minh		1,600					
14	TCN xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất		1,200					
15	TCN Thứ 7, xã Đông Thái, huyện An Biên		3,400					
16	TCN Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng		1,600					
17	TCN xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất		1,600					
18	TCN xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận		1,100					
19	TCN xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành		4,000					
20	TCN xã Tân Thạnh, huyện An Minh		2,000					
21	TCN ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận		1,100					
22	TCN xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất		1,000					
23	TCN xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao		1,150					
24	TCN xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương		600					
25	TCN xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương		1,177					
26	TCN xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương		683					
27	TCN xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận		1,000					
28	TCN xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao		1,695					
29	TCN xã Đông Hưng B, huyện An Minh		1,440					
30	TCN xã Tây Yên A, huyện An Biên		1,605					
31	TCN xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải		1,138					
32	TCN xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	1,442						